

Số: 2055/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 22 tháng 9 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Chương trình Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 và Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX về thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

Xét đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh tại Tờ trình số 47/TTr-LMHTX ngày 09 tháng 9 năm 2015,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình), gồm có các nội dung sau:

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung củng cố các hợp tác xã hiện có.

Phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã với sự phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững, tối đa hoá lợi ích phục vụ kinh tế hộ thành viên, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, bảo đảm an sinh xã hội; giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn. Phần đầu đến năm 2020 khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã có vị trí và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Xây dựng các mô hình hợp tác xã điểm, làm ăn có hiệu quả trên các lĩnh vực, tập trung vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

##### 2. Mục tiêu giai đoạn 2015-2020



Phần đầu tỷ lệ đóng góp kinh tế tập thể vào GDP của tỉnh đến năm 2020 đạt 1,2%.

Về số lượng đơn vị kinh tế tập thể: Thành lập mới 30 hợp tác xã, trong đó phát triển 3 quỹ tín dụng nhân dân và 1 hợp tác xã vận tải ở huyện Hón Quán hoặc huyện Bù Gia Mập, Đồng Phú; thành lập 1 liên hiệp hợp tác xã gắn với Đề án Phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng được ở mỗi loại hình 1 hợp tác xã điển hình tiên tiến.

Thu hút thêm số hộ gia đình, cá nhân, pháp nhân tham gia thành viên hợp tác xã, nâng tổng số thành viên hợp tác xã lên 8.245 người vào năm 2020.

Doanh thu bình quân một hợp tác xã đạt 6.626 triệu đồng/năm (trong đó doanh thu đối với thành viên 3.375 triệu đồng/năm).

Đến năm 2020 thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên trong hợp tác xã đạt 18 triệu đồng/năm.

Phần đầu tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp đạt 25%; tỷ lệ cán bộ đã qua đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đạt 9,02% và 100% cán bộ chủ chốt các hợp tác xã được bồi dưỡng kiến thức về hợp tác xã, các chính sách liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ**

### **1. Phạm vi áp dụng**

Chương trình Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thực hiện trong giai đoạn 2015-2020 trên phạm vi toàn địa bàn tỉnh Bình Phước. Ưu tiên cho các hợp tác xã ở lĩnh vực, địa bàn, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và trình độ phát triển của hợp tác xã thấp hơn.

### **2. Đối tượng áp dụng chung**

a) Các hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) có đủ các tiêu chí, điều kiện cụ thể của từng nội dung hỗ trợ được quy định trong Chương trình.

b) Các thành viên, sáng lập viên, các tổ chức là pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu chung tự nguyện thành lập và tham gia hợp tác xã.

c) Các cơ quan, cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác, hợp tác xã; Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến phát triển hợp tác xã.

### **3. Điều kiện hỗ trợ chung**

a) Hợp tác xã thành lập, tổ chức và hoạt động theo đúng các nguyên tắc và quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 (trừ nội dung hỗ trợ tổ chức lại, chuyển đổi hợp tác xã).

b) Có nhu cầu được hỗ trợ, đáp ứng các điều kiện, tiêu chí cụ thể của từng nội dung hỗ trợ được quy định trong Chương trình.

### **III. NỘI DUNG**

#### **1. Hỗ trợ chung đối với hợp tác xã**

a) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Hỗ trợ đào tạo:

+ Đối tượng hỗ trợ: Các cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã.

+ Điều kiện, tiêu chí: Được hợp tác xã cử đi đào tạo chính quy nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã (có văn bản của hợp tác xã đề nghị hỗ trợ đào tạo) và có đủ điều kiện tuyển sinh theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

+ Nội dung hỗ trợ: Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã. Cụ thể là hỗ trợ: Chi phí cho cơ quan tổ chức lớp học, gồm có thuê hội trường, phòng học; in chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá học, văn phòng phẩm, thuê phương tiện, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; nước uống cho học viên; thù lao giảng viên, báo cáo viên, phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên và tổ chức tham quan, khảo sát thuộc chương trình khoá học. Chi phí biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập; mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khoá học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tiền vé tàu, xe đi và về (bao gồm cả vé đò, vé phà nếu có) bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ vé máy bay) từ trụ sở hợp tác xã đến cơ sở đào tạo; chi phí ăn, ở. Trường hợp được hợp tác xã cử đi đào tạo tập trung, được hỗ trợ tiền học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo (theo Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

+ Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hỗ trợ bồi dưỡng:

+ Đối tượng hỗ trợ: Các cán bộ quản lý, thành viên hợp tác xã và trí thức trẻ về làm việc ở hợp tác xã.

+ Điều kiện, tiêu chí: Được hợp tác xã cử đi bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã (có văn bản của hợp tác xã đề nghị hỗ trợ bồi dưỡng, trừ các lớp học do cấp trên chiêu sinh). Được tỉnh tuyển chọn trí thức trẻ trình độ từ cao đẳng trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp

tác xã xuống làm việc ở hợp tác xã có thời hạn theo đề án thí điểm mô hình này và quy định về chính sách của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Nội dung hỗ trợ:

Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật đối với cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã. Cụ thể là hỗ trợ: Chi phí tổ chức, quản lý lớp học, bao gồm xây dựng giáo trình, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan, khảo sát, chi phí ăn, ở; chi phí mua tài liệu của khoá học; chi phí đi lại từ trụ sở chính của hợp tác xã đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay).

Nghiên cứu thí điểm mô hình đưa trí thức trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học xuống làm việc ở hợp tác xã có thời hạn để tạo nguồn cán bộ quản lý, điều hành. Hỗ trợ các chi phí cụ thể theo nội dung đề án của tỉnh.

+ Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã.

b) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

- Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã và đơn vị chủ trì đề án, kế hoạch xúc tiến thương mại của khu vực kinh tế tập thể (Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

- Điều kiện, tiêu chí: Được lựa chọn tham gia thực hiện đề án, kế hoạch xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và của tỉnh.

- Nội dung hỗ trợ: Các nội dung của các chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu, xúc tiến thương mại thị trường trong nước và xúc tiến thương mại miền núi, biên giới theo Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể là hỗ trợ hợp tác xã tham gia các triển lãm trong và ngoài nước; tổ chức các hội chợ, triển lãm dành riêng cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hoá, xây dựng và triển khai công thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử cho các hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã tham gia Chương trình nhằm nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Ưu tiên phê duyệt các đề án, kế hoạch xúc tiến thương mại của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Hàng năm, Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng đề án, kế hoạch xúc tiến thương mại khu vực kinh tế tập thể chuyển Sở Công Thương (đối với nội dung xúc tiến thương mại trong khuyến công), Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Thương mại và Du lịch tỉnh (đối với nội dung xúc tiến thương mại) tổng hợp đưa vào kế hoạch khuyến công, kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh và thẩm định, trình Ủy ban

nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Thương mại và Du lịch tỉnh báo cáo về kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ này với Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ 100% mức hỗ trợ xúc tiến thương mại và Quỹ khuyến công tỉnh dành một phần kinh phí hỗ trợ các hợp tác xã tiến hành xúc tiến thương mại trong hoạt động khuyến công. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia (trong khi Sở Công Thương chưa xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 16/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích HTX và tổ hợp tác trong xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản, tìm kiếm thị trường theo nội dung của Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh).

c) Hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Vấn đề hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới đối với hợp tác xã được thực hiện theo Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013 và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

- Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã và đơn vị chủ trì nghiên cứu, hoạt động ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới của khu vực kinh tế tập thể (Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

- Điều kiện, tiêu chí: Có dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tỉnh phê duyệt.

- Nội dung hỗ trợ: Các hoạt động đổi mới, ứng dụng công nghệ; đổi mới, ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới. Các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới theo Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã trong các hoạt động ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch, thực hiện và báo cáo về kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ này với Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, thông báo kết quả thực hiện cho cơ quan tham mưu phát triển kinh tế tập thể (Liên minh Hợp tác xã tỉnh) và cơ quan quản lý nhà nước về hợp tác xã (Sở Kế hoạch và Đầu tư) theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

+ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh dành một phần kinh phí hỗ trợ các hợp tác xã đổi mới, ứng dụng công nghệ hàng năm.

+ Ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học công nghệ từ nguồn kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ cho các hợp tác xã có dự án nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới.

Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

d) Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã và tổ chức lại, chuyển đổi hợp tác xã

- Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã:

+ Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân bao gồm các thành viên, sáng lập viên, các tổ chức là pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình; các hợp tác xã và cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ các sáng lập viên của các hợp tác xã chuẩn bị thành lập (Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

+ Điều kiện, tiêu chí: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chung tự nguyện thành lập hợp tác xã hoặc tham gia hợp tác xã (có văn bản đề nghị được hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã).

+ Nội dung hỗ trợ:

Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật hợp tác xã trước khi thành lập hợp tác xã.

Tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của hợp tác xã.

Tư vấn hướng dẫn và thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Cụ thể là hỗ trợ: Chi phí tổ chức các lớp hướng dẫn tập trung theo nhóm ngành, nghề hoặc theo khu vực xã, liên xã hoặc huyện, gồm có: Thù lao giảng viên, chi phí cho việc đi lại, ăn, ở của giảng viên; tài liệu học tập, nước uống cho học viên; thuê hội trường, phòng học và tiền điện, văn phòng phẩm phục vụ lớp hướng dẫn. Chi phí thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hợp tác xã bao gồm: Phổ biến kiến thức, thông tin về hợp tác xã trên các phương tiện thông tin đại chúng và biên soạn, in ấn tài liệu phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật về hợp tác xã. Chi phí tư vấn trực tiếp đối với các sáng lập viên, đại diện hợp tác xã chuẩn bị thành lập: Chi bồi dưỡng, tiền công tác phí theo chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia thực hiện nhiệm vụ tư vấn và trả thù lao, chi phí đi lại cho chuyên gia, hướng dẫn viên, cộng tác viên tham gia hoạt động tư vấn (theo quy định tại Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

+ Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:



Ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí thành lập mới hợp tác xã. Ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí cho các hợp tác xã thuộc diện sát nhập, hợp nhất, chia, tách hợp tác xã; 50% kinh phí còn lại do hợp tác xã tự trang trải từ nguồn của hợp tác xã hoặc huy động từ những nguồn hợp pháp khác. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định theo quy định tại Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hỗ trợ tổ chức lại, chuyển đổi hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã: Triển khai nội dung Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 17/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ tổ chức lại, chuyển đổi các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh theo Luật Hợp tác xã.

## **2. Hỗ trợ đối với hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp**

Đối tượng hỗ trợ chung: Các hợp tác xã hoạt động lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và hợp tác xã đồng bào dân tộc thiểu số, mô hình hợp tác xã điểm.

Điều kiện, tiêu chí chung: Các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp có cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là những cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

### **a) Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**

- Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã hoạt động lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp. Ưu tiên các hợp tác xã có quy mô lớn về thành viên, tạo quy mô hàng hoá lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; hợp tác xã hoạt động trên các địa bàn khó khăn.

- Điều kiện, tiêu chí: Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của hợp tác xã phải nhằm mục đích phục vụ sản xuất, kinh doanh chung cho cộng đồng thành viên hợp tác xã. Các hợp tác xã được hỗ trợ phải thực hiện theo đúng các thủ tục về đầu tư và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều kiện, tiêu chí hợp tác xã được thụ hưởng cụ thể: Thực hiện theo nội dung Hướng dẫn điều kiện, tiêu chí thụ hưởng sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ban hành.

- Nội dung hỗ trợ: Các dự án đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ cho cộng đồng thành viên hợp tác xã. Cụ thể là hỗ trợ: Xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thuỷ lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thuỷ sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp, giao thông nội đồng.

Các công trình kết cấu hạ tầng được nhà nước hỗ trợ xây dựng sau khi hoàn thành được đưa vào hoạt động là tài sản không chia của mỗi hợp tác xã. Các hợp tác xã có trách nhiệm bảo quản, sử dụng và tự trang trải chi phí cho vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng. Trường hợp hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của nhà nước được chuyển vào ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký hợp tác xã.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 80%, hợp tác xã đóng góp ít nhất 20% tổng mức đầu tư của dự án.

b) Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh

Việc hỗ trợ vốn, giống cho hợp tác xã khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- Đối tượng hỗ trợ: Các hộ nông dân, ngư dân, chủ trang trại là thành viên hợp tác xã và hợp tác xã.

- Điều kiện, tiêu chí: Sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của hợp tác xã bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm theo nội dung của Thông tư số 21/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được hỗ trợ theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nội dung hỗ trợ: Thiệt hại số lượng gia súc, gia cầm bị chết; diện tích nuôi trồng thủy sản, hải sản bị chết, bị phá hủy; diện tích cây trồng bị chết, bị mất trắng do thiên tai và số lượng gia súc, gia cầm bị tiêu huỷ; diện tích nuôi trồng thủy, hải sản bị chết; diện tích cây trồng bắt buộc tiêu huỷ do dịch bệnh nguy hiểm (theo Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh).

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ 80% mức hỗ trợ về giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản (đối với tỉnh miền núi), ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ 20% mức hỗ trợ. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/3/2013 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính.

c) Hỗ trợ về chế biến sản phẩm

Việc hỗ trợ chế biến sản phẩm cho hợp tác xã được thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã và hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã.

- Nội dung hỗ trợ:



+ Hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Danh mục chủng loại máy, thiết bị (sản xuất trong nước, nhập khẩu) được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Điều kiện, tiêu chí: Các hợp tác xã và hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã phải là đối tượng trực tiếp sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến nông sản, thủy sản; dịch vụ cơ giới nông nghiệp.

+ Hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp theo Danh mục các dự án đầu tư được quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều kiện, tiêu chí: Các hợp tác xã; hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã phải có dự án đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và dự án đầu tư chưa được hưởng hỗ trợ từ các chính sách khác.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba đối với khoản vay để mua máy, thiết bị. Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% phần chênh lệch lãi suất đối với khoản vay thực hiện dự án đầu tư.

Các ngân hàng thương mại tổ chức thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Điều kiện, hồ sơ, thủ tục, quy trình hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất thông qua các ngân hàng thương mại để thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Áp dụng Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020

Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện cho các sở, ban, ngành liên quan, các huyện, thị xã xây dựng nhu cầu, tổng hợp nhu cầu, lập dự toán cụ thể, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo các nội dung của

Chương trình, chỉ đạo tổng hợp chung vào dự toán của tỉnh trong giai đoạn, hàng năm, báo cáo Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, cân đối, phân bổ vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật có liên quan và vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc nguồn kinh phí ngân sách trung ương. Đồng thời, tổng hợp nhu cầu, dự toán kinh phí từ kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước tỉnh để thực hiện các nội dung hỗ trợ của Chương trình thuộc nguồn kinh phí ngân sách tỉnh.

Sở Công Thương và Sở Khoa học và Công nghệ cân đối, bố trí một phần kinh phí từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, Quỹ khuyến công tỉnh để thực hiện một số nội dung hỗ trợ của Chương trình. Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Thương mại và Du lịch tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình về một số nội dung hỗ trợ liên quan của Chương trình.

Trong giai đoạn và hàng năm, căn cứ vào nhu cầu cụ thể của các sở, ban, ngành có liên quan, các huyện, thị xã và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình về phần ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ.

Các cơ quan, đơn vị chủ trì từng nội dung hỗ trợ lập dự toán kinh phí hàng năm chuyển Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và đề nghị các đoàn thể huy động các nguồn kinh phí khác ngoài Chương trình để tham gia thực hiện nội dung Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020**

Theo nội dung của Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ Về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX về thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình như sau:

#### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan theo dõi tổng hợp, nghiên cứu và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ trong toàn tỉnh bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước và tham mưu về hợp tác xã trên địa bàn. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Trong giai đoạn và hàng năm, tiến hành thẩm định tổng hợp nhu cầu, kế hoạch hỗ trợ, dự toán kinh phí chung cũng như nhu cầu, dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước tỉnh để thực hiện Chương trình và đề xuất chính sách phù hợp để hỗ trợ thực hiện Chương trình sau khi Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

## **2. Liên minh Hợp tác xã tỉnh:**

- Chủ trì việc tổng hợp nhu cầu, lập dự toán kinh phí, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo các nội dung của Chương trình, chỉ đạo tổng hợp chung vào dự toán của tỉnh trong giai đoạn, hàng năm, báo cáo các Bộ, ngành liên quan tổng hợp và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, cân đối, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình về phân ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ.

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, xây dựng kế hoạch và nhu cầu kinh phí để chủ trì thực hiện một số nội dung của Chương trình: Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ thành lập, phát triển hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã và tổ chức lại, chuyển đổi hợp tác xã; bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, thành viên hợp tác xã; xây dựng các mô hình hợp tác xã; xúc tiến thương mại khu vực kinh tế tập thể trong phạm vi đối tượng thành viên của Liên minh Hợp tác xã và hỗ trợ xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng thành viên hợp tác xã.

- Tổ chức theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh hàng năm, trong giai đoạn chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình với Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ quản lý chuyên ngành.

## **3. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện về cơ chế tài chính hỗ trợ, về định mức và cơ chế tài chính đối với chính sách hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực hợp tác xã theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí của Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước tỉnh để thực hiện các nội dung hỗ trợ của Chương trình thuộc nguồn kinh phí ngân sách tỉnh.



đoàn viên, hội viên, thành viên, quần chúng nhân dân tham gia phát triển kinh tế tập thể.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và hàng năm, trong giai đoạn báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, gửi Liên minh Hợp tác xã tỉnh để tổng hợp chung.

#### **9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:**

- Chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của chương trình; lập dự toán và tổng hợp chung trong dự toán của huyện, thị xã, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và cơ quan chuyên ngành tổng hợp.

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước của các phòng, ban, ngành quản lý nhà nước về hợp tác xã trên địa bàn và tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ của Chương trình bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả. Hàng năm, trong giai đoạn tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, gửi Liên minh Hợp tác xã tỉnh để tổng hợp chung toàn tỉnh.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Thương mại và Du lịch tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ KH và ĐT;
- Bộ Tài chính;
- Liên minh HTX VN;
- Thường trực TU (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- LĐVP, Phòng: KTN, KTTH;
- Lưu: VT (NN11.9).



*Trần Ngọc Trai*